

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2020

V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 619/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lệ Q, sinh năm 198X; ĐKKHKT: Đường H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Đường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang H, sinh năm 198Y; ĐKKHKT: Đường H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 32, phân trại 2, Trại giam T; địa chỉ: Thôn 1, xã T, Huyện H, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Lệ Q trình bày: Chị và anh Trần Quang H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 27 tháng 6 năm 2005, đến nay có 02

con chung tên là: Trần Hải Nam, sinh ngày 14/6/2005 và Trần Lê Thủy Tiên, sinh ngày 28/7/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, lối sống, tính cách của vợ chồng không hòa hợp. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2013. Đến năm 2016 anh H phạm tội và bị Tòa án xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản và phải chấp hành án tại Đội 32, phân trại 2, trại giam Thủ Đức. Do không có điều kiện và không còn tình cảm nên chị Q cũng không đi thăm gặp anh H. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Q nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Do anh H đang chấp hành án tại trại giam Trại giam Thủ Đức; địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Đức, Hẻm Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân Hẻm Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận để tiến hành các thủ tục tố tụng đối với anh H.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/6/2020, bị đơn anh Trần Quang H trình bày: Anh xác nhận về quá trình vợ chồng lấy nhau và có con chung như chị Q trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng chung sống hòa thuận không phát sinh mâu thuẫn gì lớn nhưng do công việc làm ăn nên hai vợ chồng sống xa nhau. Nay chị Q xin ly hôn thì anh đồng ý. Do anh đang phải chấp hành án tại trại giam nên anh đề nghị tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý để chị Q nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Chị Q và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng

vào năm 2005 và có 02 con chung tên là: Trần Hải Nam, sinh ngày 14/6/2005 và Trần Lê Thủy Tiên, sinh ngày 28/7/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, thường xuyên xảy ra xung đột, va chạm lẫn nhau. Hơn nữa, anh H đang phải chấp hành án tù tại Trại giam Thủ Đức, tỉnh Bình Thuận nên tình cảm vợ chồng càng xa cách, không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Q được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị Q nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung: Không xem xét. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị Lê Thị Lệ Q khởi kiện xin ly hôn anh Trần Quang H. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn anh Trần Quang H đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lệ Q và anh Trần Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 27 tháng 6 năm 2005 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm, cự cãi nên vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2013. Mặc khác, trong quá trình ly thân, anh H đang phải chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức với mức án tù 04 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H tại nơi cư trú và gia đình chị Q cho thấy: Vợ chồng chị Q anh H thường xuyên xảy ra va chạm và hai bên đã sống ly thân từ năm 2013. Đến năm 2016 anh H phạm tội phải đi chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức tỉnh Bình Thuận thì chị Q cũng không tới thăm gặp anh nên tình cảm vợ chồng càng xa cách. Do vậy, việc chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh H đã thực sự trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự cần xử cho chị Lê Thị Lệ Q được ly hôn anh Trần Quang H.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị Lệ Q và anh Trần Quang H có 02 con chung tên là Trần Hải Nam, sinh ngày 14/6/2005 và Trần Lê Thủy Tiên, sinh ngày 28/7/2011. Khi ly hôn, chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai cháu hiện đang ở với mẹ, có cuộc sống ổn định và đều có nguyện vọng được mẹ là chị Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh H cũng có quan điểm khi ly hôn: Giao cả hai con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q và anh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lệ Q được ly hôn anh Trần Quang H.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung của Chị Lê Thị Lệ Q và anh Trần Quang H tên là: Trần Hải Nam, sinh ngày 14/6/2005 và Trần Lê Thủy Tiên, sinh ngày 28/7/2011 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Lệ Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị Q đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013769 ngày 04 tháng 6 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Chị Lê Thị Lệ Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. An Biên, Lê Chân, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương